

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HS-ST
Ngày 19-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995 tại N; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thị xã Tr, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L; tiền án: Bản án số 90/2019/HSST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2019 (đã chấp hành xong án phạt tù ngày 16/5/2020); tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định bắt tạm giam của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tr, tỉnh N và đang bị khởi tố về tội danh khác; có mặt.

2. Hoàng Văn T, sinh năm 1987 tại N; nơi cư trú: Thôn B, xã T, thị xã Tr, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Mạc và bà Trần

Thị C; Họ tên vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/QĐ-TA ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh N; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2022; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Th, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phạm Duy Q1, sinh năm 1995; địa chỉ: Cụm 2, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Q và T có quan hệ bạn bè nên ngày 27/7/2021, Q, T rủ nhau sang khu vực xã K, huyện Th, Hải Phòng trộm cắp tài sản của nhà dân bán lấy tiền ăn tiêu. Khi đi, Q mang theo 01 thanh kim loại dài 30cm lấy ở nhà rồi điều khiển xe mô tô của gia đình chở T đến khu vực xã K, huyện Th. Trên đường đi Q, T quan sát thấy một nhà dân (sau biết là nhà bà Nguyễn Thị L) không có người trông coi, hai cánh cổng sắt được hàn nối lại với nhau nên Q và T nảy sinh ý định lấy trộm cổng sắt mang bán lấy tiền ăn tiêu. Cả hai đi đến dùng thanh sắt mang theo đục phá phần gạch gắn với bản lề cánh cổng bên phải, sau khi đục vỡ phần bản lề, Q, T kéo làm gãy mối hàn giữa hai cánh cổng rồi bê cánh cổng đặt lên yên xe. Sau đó Q điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau giữ cánh cổng đến khu vực xã Gia Đức, huyện Th bán cho một cửa hàng thu mua phế liệu của anh Phạm Duy Q1 được số tiền 450.000 đồng, Q, T đã ăn tiêu hết.

Ngoài ra, Q, T còn khai nhận trước đó cũng bằng phương thức và thủ đoạn tương tự cả hai đã nhiều lần đến nhà bà Nguyễn Thị L trộm cắp tài sản rồi mang bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của anh Phạm Duy Q1, cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 03 năm 2021, Q, T lấy trộm 05 khuôn gạch bằng kim loại (kích thước 20x10x12cm), bán được số tiền 350.000 đồng.

- Khoảng tháng 4 năm 2021, Q, T tiếp tục đến nhà bà L lấy trộm 01 chiếc xe chở hàng loại ba bánh tự chế, bán được số tiền 800.000 đồng.

- Khoảng tháng 5 năm 2021, Q, T lấy trộm 01 cánh cổng chuồng gà làm bằng sắt hộp (kích thước 0,25x0,5cm) và hàn lưới B40 (kích thước 1,5x01cm), bán được số tiền 100.000 đồng.

- Khoảng tháng 6 năm 2021, Q, T lấy trộm 02 cánh cổng phụ bằng sắt hộp (kích thước 0,2x0,4cm), bán được số tiền 300.000 đồng.

- Khoảng tháng 7 năm 2021, Q, T lấy trộm 02 cánh cửa nhôm kính ngăn hai phòng ngủ (kích thước 1,8x1,8m), bán được số tiền 200.000 đồng.

Khi bán những tài sản trên Q và T đều nói với anh Q1 là tài sản của gia đình mình đã hư hỏng nên mang bán thanh lý. Q và T đều là lao động tự do (phụ xây) có thu nhập, việc trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền ăn tiêu không phải là nguồn sống chính.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66 ngày 12/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 cánh cổng bằng kim loại (sắt hộp) trị giá 2.500.000 đồng; 05 khuôn gạch bằng kim loại (sắt) trị giá 500.000 đồng; 01 cánh cổng chuồng gà trị giá 500.000 đồng; 01 chiếc xe chở hàng loại ba bánh tự chế trị giá 2.500.000 đồng; 02 cánh cửa nhôm kính trị giá 1.400.000 đồng; 02 cánh cổng phụ trị giá 1.700.000 đồng. Tổng giá trị các đồ vật, tài sản trên là 9.100.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 89 ngày 14/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 tập tin video chứa hình ảnh liên quan đến vụ án không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại Cơ quan điều tra người bị hại là bà Nguyễn Thị L khai: Gia đình bà L có khu vực trang trại trồng cây kết hợp chăn nuôi cá tại xã K, huyện Th. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến tháng 7 năm 2021, gia đình bà liên tục bị mất các tài sản gồm: 01 cánh cổng, 05 khuôn gạch, 01 cánh cổng chuồng gà, 01 xe chở hàng loại ba bánh tự chế, 02 cánh cửa nhôm kính, 02 cánh cổng phụ. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà L đã làm đơn trình báo Cơ quan công an. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn T phải bồi thường số tiền 9.100.000 đồng.

Anh Phạm Duy Q1 khai: Anh làm nghề thu mua phế liệu tại xã Gia Đức, huyện Th. Anh Q1 xác định anh đã mua một số đồ phế liệu gồm cánh cổng, cửa và một số thanh sắt kim loại của Q, T nhưng anh không biết các đồ vật, tài sản trên do Q, T trộm cắp mà có. Sau khi thu mua, anh đã bán lại cho những người không quen biết khác.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSTN ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hoàng Văn T về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 24 đến 30 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173;

điểm h, s, i khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị L số tiền 9.100.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng. Lời nói sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử khoan hồng cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Th, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Th, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q1, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Th đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được công bố, thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hoàng Văn T có hành vi nhiều lần cùng nhau lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt các tài sản của bà Nguyễn Thị L gồm: 01 cánh cổng bằng kim loại (sắt hộp) trị giá 2.500.000 đồng; 05 khuôn gạch bằng kim loại (sắt) trị giá 500.000 đồng; 01 cánh cổng chuồng gà trị giá 500.000 đồng; 01 xe chở hàng loại ba bánh tự chế trị giá 2.500.000 đồng; 02 cánh cửa nhôm kính trị giá 1.400.000 đồng; 02 cánh cổng phụ trị giá 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Q và T đã chiếm đoạt là 9.100.000 đồng. Bị cáo Q, T đều là lao động tự do và nghề sống chính là nghề phụ xây, không lấy kết quả của những lần phạm tội trên là nguồn sống chính, không mang tính chất hành động có hệ thống; tài sản những lần bị chiếm đoạt đều có giá trị nhỏ, có hai lần trộm cắp tài sản giá trị 2.500.000 đồng/1 lần nên bị cáo Q, T bị truy tố về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xét xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo. Bị cáo Q phạm tội nhiều lần, đã có một tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q và bị cáo T thành khẩn khai báo, thiệt hại gây ra không lớn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về phần hình phạt: Nhân thân bị cáo Q đã có một tiền án, đang bị truy tố và tạm giam theo Quyết định tạm giam của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tr, tỉnh N về tội danh khác; bị cáo T đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng chưa chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tù giam trên mức khởi điểm. Xét nhân thân và hành vi phạm tội thì áp dụng mức hình phạt tù của bị cáo Q cao hơn bị cáo T.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 9.100.000 đồng nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền 9.100.000 đồng cho bị hại, mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 4.550.000 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh kim loại (sắt) dài 30 cm.

Đối với chiếc USB lưu giữ hình ảnh liên quan đến vụ án được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về Q1 kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có Q1 kháng cáo bản án trong thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02/12/2021.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị L số tiền 4.550.000 (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng, buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị L số tiền 4.550.000 (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh kim loại dài khoảng 30 cm (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09 tháng 3 năm 2022).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hoàng Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, cộng bằng 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

Về Q1 kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hoàng Văn T, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có Q1 kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có Q1 kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q1 thoả thuận thi hành án, Q1 yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Th;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Th;
- Cơ quan THAHSCA huyện Th;
- Trại giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý – Hoàng Đức Cảnh

Lê Thị Hồng Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý